

Số: 65 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương**  
**Quý I năm 2023**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương Quý I năm 2023, như sau:

**1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN):**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý I năm 2023 đạt 7.236 tỷ đồng, bằng 30,3% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 83,7% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó:

a) Thu nội địa đạt 5.347 tỷ đồng, bằng 34,4% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 97,3% so với cùng kỳ năm 2022.

*\* Đánh giá một số khoản thu:*

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 3.212 tỷ đồng, bằng 45,1% dự toán năm, bằng 85,8% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó thu chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 3.098 tỷ đồng, bằng 45,7% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 84,5% so với cùng kỳ năm 2022;

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 373 tỷ đồng, bằng 66,0% dự toán năm, bằng 180,8% so với cùng kỳ năm 2022;

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.002 tỷ đồng, đạt 31,3% dự toán năm, bằng 132,3% so với cùng kỳ năm 2022;

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 203 tỷ đồng, bằng 40,5% dự toán năm, bằng 130,7% so với cùng kỳ năm 2022;

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 170 tỷ đồng, bằng 22,9% dự toán năm, bằng 93,6% so với cùng kỳ năm 2022;

+ Các khoản thu còn lại đạt 387 tỷ đồng, bằng 11,3% dự toán năm và bằng 86,1% so với cùng kỳ năm trước;

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: đạt 1.888 tỷ đồng, bằng 23,3% so với dự toán năm và bằng 60,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 3 tháng đầu năm đạt cao so với dự toán tỉnh giao, chủ yếu do giá dầu thô thế giới hiện nay đang ở mức

cao so với giá dầu thô dự toán giao (3 tháng đầu năm giá dầu thô bình quân là 90 USD/thùng, trong khi giá giao dự toán là 70 USD/thùng), dẫn đến số thu từ NMLD Dung Quất đạt 45,7% dự toán tính và bằng 84,5% so cùng kỳ. Một số khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán giao như: Thu từ khu vực DNNN (đạt 45,1%), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 66%), khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (đạt 31,3%), Thuế thu nhập cá nhân (đạt 40,5%), Thu khác ngân sách (đạt 32,3%). Tuy nhiên, vẫn có những khoản thu đạt khá thấp như: Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đạt (12,0%), do chưa đến thời điểm nộp tiền thuê đất (đợt 1 chậm nhất ngày 31/5 và đợt 2 chậm nhất ngày 30/10 hàng năm); Thu tiền sử dụng đất đạt 6,1%, do các dự án tỉnh triển khai theo kế hoạch chủ yếu thực hiện trong Quý 3 và Quý 4/2023.

c) Thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 4.888 tỷ đồng, bằng 34,3% dự toán năm và bằng 93,7% so với cùng kỳ năm trước.

## **2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN)**

Tổng chi ngân sách địa phương Quý I năm 2023 đạt 2.543 tỷ đồng, bằng 14,5% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 97,2% so với cùng kỳ năm 2022; cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương Quý I năm 2023 là 2.410 tỷ đồng, bằng 16,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 95,5% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 449 tỷ đồng, bằng 9,8% so với dự toán năm và bằng 83,3% so với cùng kỳ năm 2022.

- Chi thường xuyên: 1.959 tỷ đồng, bằng 20,8% so với dự toán năm và bằng 99,2% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 671 tỷ đồng, bằng 18,5% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình: 182 tỷ đồng, bằng 20,9% dự toán năm;

+ Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: 412 tỷ đồng, bằng 26,2% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 247 tỷ đồng, bằng 14% dự toán năm;

+ Chi đảm bảo xã hội: 229 tỷ đồng, bằng 29,3% dự toán năm;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 2,319 tỷ đồng, đạt 203,4% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đạt 133 tỷ đồng, bằng 4,4% dự toán năm, bằng 147% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý I năm 2023 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung

thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTHTien132.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*

**Đặng Văn Minh**



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>23.886.700</b>	<b>7.235.904</b>	<b>30,3</b>	<b>83,8</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>23.650.000</b>	<b>7.235.904</b>	<b>30,6</b>	<b>131,7</b>
1	Thu nội địa	15.550.000	5.347.447	34,4	97,3
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	8.100.000	1.888.457	23,3	60,1
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>III</b>	<b>Thu vay vốn để bù đắp bội chi</b>	<b>236.700</b>		<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>17.532.834</b>	<b>2.543.081</b>	<b>14,5</b>	<b>97,2</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>14.479.818</b>	<b>2.409.996</b>	<b>16,6</b>	<b>95,5</b>
1	Chi đầu tư phát triển	4.566.782	448.875	9,8	83,3
2	Chi thường xuyên	9.423.782	1.958.802	20,8	99,2
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.000	0		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	2.319	203,4	20,8
5	Dự phòng ngân sách	284.800			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	198.314			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>3.053.016</b>	<b>133.085</b>	<b>4,4</b>	<b>147,0</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>	<b>236.700</b>			
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GÓC</b>				

## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>23.886.700</b>	<b>7.235.904</b>	<b>30,3</b>	<b>83,8</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>15.550.000</b>	<b>5.347.447</b>	<b>34,4</b>	<b>97,3</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	7.117.000	3.212.327	45,1	85,8
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	566.000	373.482	66,0	180,8
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.200.000	1.001.779	31,3	132,3
4	Thuế thu nhập cá nhân	500.000	202.723	40,5	130,7
5	Thuế bảo vệ môi trường	740.000	169.541	22,9	93,6
6	Lệ phí trước bạ	200.000	51.766	25,9	99,6
7	Thu phí, lệ phí	180.000	43.402	24,1	93,9
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.681.000	179.129	6,7	77,6
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	6.000	982	16,4	72,5
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	2.500.000	153.361	6,1	67,7
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	45.000	5.416	12,0	177,6
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	130.000	19.370	14,9	92.238,1
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	40.000	7.531	18,8	20,1
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	1.000	242	24,2	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100.000	31.919	31,9	145,9
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	10.000	4.264	42,6	335,2
13	Thu khác ngân sách	215.000	69.342	32,3	114,9
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>8.100.000</b>	<b>1.888.457</b>	<b>23,3</b>	<b>60,1</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	7.752.000	1.834.635	23,7	61,3
2	Thuế xuất khẩu	115.000	19.048	16,6	53,9
3	Thuế nhập khẩu	187.000	27.301	14,6	28,5
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	46.000	7.362	16,0	36,0
6	Thu khác		111		9,7
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>V</b>	<b>Thu vay vốn để bù đắp bội chi</b>	<b>236.700</b>		<b>0</b>	
<b>B</b>	<b>THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>14.243.118</b>	<b>4.888.229</b>	<b>34,3</b>	<b>93,7</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	10.860.558	4.491.027	41,4	94,4
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	3.382.560	397.202	11,7	86,4

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>17.532.834</b>	<b>2.543.081</b>	<b>14,5</b>	<b>97,2</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>14.479.818</b>	<b>2.409.996</b>	<b>16,6</b>	<b>95,5</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>4.566.782</b>	<b>448.875</b>	<b>9,8</b>	<b>83,3</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.423.462	408.875	9,2	80,5
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	143.320	40.000	27,9	130,3
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>9.423.782</b>	<b>1.958.802</b>	<b>20,8</b>	<b>99,2</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.621.786	670.665	18,5	107,2
2	Chi khoa học và công nghệ	28.733	4.616	16,1	78,4
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	871.919	182.155	20,9	65,1
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	114.852	27.676	24,1	118,3
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	39.398	5.295	13,4	78,4
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	41.492	7.490	18,1	126,5
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	202.539	49.519	24,4	143,7
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.766.540	246.652	14,0	86,7
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.573.101	412.132	26,2	107,9
10	Chi bảo đảm xã hội	782.394	228.917	29,3	108,2
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>5.000</b>		<b>0</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.140</b>	<b>2.319</b>	<b>203,4</b>	<b>20,8</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>284.800</b>			
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>198.314</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>3.053.016</b>	<b>133.085</b>	<b>4,4</b>	<b>147,0</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.063.966	29.389	2,8	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.924.262	103.696	5,4	114,5
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	64.788		0	